

Số: 13/2018/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 12 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách
nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ, Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 205/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XV, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. / *ghs*

Nơi nhận

- UBTW Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu, UBTCNS của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Công báo Lào Cai; Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT – TH tỉnh;
- Các chuyên viên;
- Lưu VT, TH. *gh*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

QUY ĐỊNH

Định mức xây dựng, dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số mức chi xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là nhiệm vụ KH&CN) cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trong đó:

a) Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh gồm các đề án khoa học, đề tài nghiên cứu KH&CN, dự án KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

b) Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở gồm các đề tài nghiên cứu KH&CN, dự án KH&CN được Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các tổ chức, đơn vị phê duyệt.

2. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Lào Cai để triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp nhà nước được thực hiện theo mức chi tương ứng quy định tại Quy định này.

3. Những nội dung khác về định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý các nhiệm vụ KH&CN và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước;

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN căn cứ vào tính chất và nội dung nhiệm vụ KH&CN và nguồn kinh phí được bố trí để quyết định mức chi xây dựng dự toán quy định áp dụng đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Định mức xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp:

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo công thức quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015. Trong đó, hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh được tính như sau:

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh	Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,632	0,316
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,392	0,196
3	Thành viên	3,66	1,5	0,2	0,1
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,128	0,064

2. Mức thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu thuộc nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Căn cứ mức chi quy định tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN, Thủ trưởng đơn vị thực hiện nhiệm vụ KH&CN trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định làm căn cứ ký hợp đồng và chi trả cho chuyên gia.

3. Mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	buổi hội thảo	1.200	600
2	Thư ký hội thảo	buổi hội thảo	400	200
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	báo cáo	1.600	800
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	báo cáo	800	400
5	Thành viên tham gia hội thảo	thành viên/buổi	160	80

Điều 5. Một số mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Mức chi của Hội đồng KH&CN cấp tỉnh, Hội đồng KH&CN cấp cơ sở:

Mức chi Hội đồng KH&CN cấp tỉnh bằng 80% theo mức chi quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN, mức chi Hội đồng KH&CN cấp cơ sở bằng 50% Hội đồng KH&CN cấp tỉnh, cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		800	400

-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên HĐ		640	320
-	Thư ký hành chính		240	120
-	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		240	120
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400	200
2	<i>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN</i>			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
-	Chủ tịch hội đồng		1.200	600
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	400
-	Thư ký hành chính		240	120
-	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	120
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280
3	<i>Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN</i>			
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560	280
-	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	400	200
-	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240	120
-	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160	80
4	<i>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN</i>			

a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch hội đồng		1.200	600
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng		800	400
-	Thư ký hành chính		240	120
-	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280

2. Mức chi hoạt động Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có):

a) Đối với Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Bằng 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

b) Đối với Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: Bằng 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì, cụ thể như sau:

a) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Bằng 05% (năm phần trăm) tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 200 (hai trăm) triệu đồng/nhiệm vụ;

b) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: Bằng 05% (năm phần trăm) tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 100 (một trăm) triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

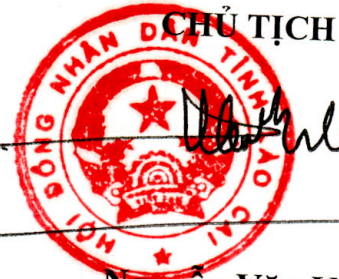
1. Đối với nhiệm vụ khoa học & công nghệ cấp tỉnh: Kinh phí đối ứng của nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp nhà nước. Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và Công nghệ cấp tỉnh;

2. Đối với nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở: Kinh phí thực hiện từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị cấp cơ sở; nguồn thu được để lại theo quy định; nguồn ủng hộ, tài trợ (nếu có).

Điều 7. Điều khoản áp dụng

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành. /.



Nguyễn Văn Vịnh